

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THANH OAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Oai, ngày 30 tháng 5 năm 2026

BẢNG TỌNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI 51 HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN THÔN VĂN QUÁN XÃ THANH OAI (ĐỢT 4)
ĐỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU ĐÔ THỊ THỂ THAO OLYMPIC (TRÊN ĐỊA BÀN THÔN VĂN QUÁN, XÃ THANH OAI)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 30/5/2026 của Ủy ban nhân dân xã Thanh Oai)

STT	Tên Chủ Sở Dụng	Địa chỉ thường trú (Thôn)	Số CCCD	Theo giấy tờ pháp lý							Theo bản đồ phục vụ công tác GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ đang sử dụng	DT thu hồi (m ²)	Tổng diện tích thu hồi vĩnh viễn (m ²)	Tỷ lệ % diện tích thu hồi tổng diện tích hộ đang sử dụng	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP. Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của Hội đồng nhân dân TP. Hà Nội (2 x 155.000đ/m ²)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ số 40/QĐ-UBND của UBND TP Hà Nội			Tổng tiền BT, HT (đồng)	Người nhận tiền (Ký, ghi rõ họ tên)
				Số GCN	Ngày cấp số	Xứ đăng	Loại đất Thu hồi	Thửa Đất Số	Tờ Bản Đồ Số	DT trên GCN	Thửa đất số	Tờ bản đồ						Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND của HĐND TP Hà Nội)	Thường tiền để bàn giao mặt bằng (không quá 10.000đ/m ² (không quá 10.000.000đ/hộ)			
1	Ngô Văn Thanh	thôn Văn Quán	001069005024	CE 609429	04/11/2016	Chăm Đuối	LUC	15	12	416	2	24	1262	416,00	1.138,1	90,18	128.960.000	322.400.000	10.000.000	1.244.838.500		
		thôn Văn Quán		CE 609429	04/11/2016	bãi+ chũng giữa	LUC	78-17	4	143	205	22										81,00
		thôn Văn Quán		CE 609429	04/11/2016	cổ ngựa	LUC	23	7	511	185	13										511,00
		thôn Văn Quán		CE 609429	04/11/2016	Man	LUC	184-7	5	138	115	23										40,00
		thôn Văn Quán		CE 609429	04/11/2016	Man	LUC	một phần thửa đất số 184-7	5	98	166	23										49,00
		thôn Văn Quán		CE 609429	04/11/2016	cửa chùa	LUC	một phần thửa số 18-51	5	54	204	22										41,10
2	Nguyễn Thị Dần	thôn Văn Quán	001145016526	CE 609424	04/11/2016	Cổ Ngựa	LUC	14	4	464	228	13	3626	464,00	3.219,00	88,78	143.840.000	359.600.000	10.000.000	3.502.615.000		
		thôn Văn Quán		CE 609424	04/11/2016	đồng lượn	LUC	149-60	5	307	161	21										307,00
		thôn Văn Quán		CE 609424	04/11/2016	Mạ Man	LUC	Một phần thửa đất 83-16	5	326	354	16										186,00
		thôn Văn Quán		CE 609424	04/11/2016	Cổ hạc	LUC	Một phần thửa đất 55-76	5	329	63	16										36,00
		thôn Văn Quán		CE 609424	04/11/2016	Man lùa	LUC	06	16	1852	21	17										1.852,00
		thôn Văn Quán		CE 609424	04/11/2016	Mạ Man	LUC	83-16	5	140	328	16										70,00
		thôn Văn Quán		CE 609424	04/11/2016	Cửa chùa	LUC	219-37	5	216	156	22										172,00
		thôn Văn Quán		CE 609424	04/11/2016	Chũng giữa	LUC	157-39	5	132	21	21										132,00
3	Nguyễn Nho Văn	thôn Văn Quán	001076067647	CE 600940	04/11/2016	Cổ Ngựa	LUC	14	4	617	68	13	1889	617,00	1.889,0	100,0	191.270.000	478.175.000	10.000.000	2.059.565.000		
		thôn Văn Quán		CE 600940	04/11/2016	Đông Gông	LUC	17B	23	720	513	22										720,00
		thôn Văn Quán		CE 600940	04/11/2016	Nảy Ngoài	LUC	22	9	552	29	24										552,00
4	Dương Văn Bình	thôn Văn Quán	001056013266	CE 600994	04/11/2016	Chũng Giữa	LUC	243-29	5	28	274	22	5559	28,00	5.386,0	96,9	8.680.000	21.700.000	0	751.905.000		
		thôn Văn Quán		CE 600994	04/11/2016	Chũng giữa	LUC	243-29	5	212	262	22										212,00
		thôn Văn Quán		CE 600994	04/11/2016	Lò Gạch	LUC	243-29	5	68	108	28										68,00
		thôn Văn Quán		CE 600994	04/11/2016	Làng Gạo	LUC	243-29	5	61	170	28										61,00
		thôn Văn Quán		CE 600994	04/11/2016	Phần trảm	LUC	185-13	5	324	376	22										324,00
		thôn Văn Quán		CE 609461	04/11/2016	Chấm Cá	LUC	20	13	3124	275	17										3.124,00
		thôn Văn Quán		CE 609461	04/11/2016	Man Dưới	LUC	28-15	2TC	147	408	23										57,00
		thôn Văn Quán		CE 609461	04/11/2016	Mạ Sang Lúa	LUC	28-15	2TC	122	417	23										122,00
		thôn Văn Quán		CE 609461	04/11/2016	Man Con	LUC	28-15	2TC	85	140	23										85,00
		thôn Văn Quán		CE 609461	04/11/2016	Man Dưới	LUC	28-15	2TC	90	391	23										90,00
		thôn Văn Quán		CE 609461	04/11/2016	Nảy Ngoài	LUC	3	9	1215	96	24										1.215,00

5	Dương Thị Ngà	thôn Văn Quán	001176040576	CE 600906	04/11/2016	Cửa Quán	LUC	Một Phần Thửa Đất Số 22	5	1300	81	16	1300	1.253,10	1.253,1	96,4	388.461.000	971.152.500	10.000.000	1.369.613.500	
6	Nguyễn Văn Giang	thôn Văn Quán	001087033865	CE 600973	04/11/2016	Đông Cốc	LUC	12	3	200	74	13	358	200,00	304,0	84,9	62.000.000	155.000.000	3.040.000	332.880.000	
		thôn Văn Quán		CE 600973	04/11/2016	Mạ Man	LUC	0	0	104	38	23		104,00			32.240.000	80.600.000	0		
7	Nguyễn Công Lợi	thôn Văn Quán	001077002452	CE 600974	04/11/2016	Châm Cú	LUC	7	13	1370	234	17	1710	1.370,00	1.710,0	100,0	424.700.000	1.061.750.000	10.000.000	1.865.350.000	
		thôn Văn Quán		CE 600974	04/11/2016	Châm Giữa	LUC	26	14	286	80	17		286,00			88.660.000	221.650.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 600974	04/11/2016	Ma Đù	LUC	0	0	54	336	28		54,00			16.740.000	41.850.000	0		
8	Nguyễn Văn Tuấn	thôn Văn Quán	001076003795	CE 600963	04/11/2016	Châm Giữa	LUC	44	14	839	171	18	1220	839,00	1.220,0	100,0	260.090.000	650.225.000	10.000.000	1.333.700.000	
		thôn Văn Quán		CE 600963	04/11/2016	Náy Ngoài	LUC	21	9	381	53	24		381,00			118.110.000	295.275.000	0		
9	Nguyễn Nho Triệu	thôn Văn Quán	001055007773	CE 600939	04/11/2016	Chông Giữa	LUC	Thu hồi một phần thửa đất số 79-5	4	604	392	22	2646	201,40	2.122,9	80,2	62.434.000	156.085.000	10.000.000	2.313.346.500	
		thôn Văn Quán		CE 600939	04/11/2016	Chông Giữa	LUC	Thu hồi một phần thửa đất số 79-5	4	402,6	61	28		107,00			33.170.000	82.925.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 600939	04/11/2016	Đông Gông	LUC	17A	23	1208	326	22		1.208,00			374.480.000	936.200.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 600939	04/11/2016	Man	LUC	Một phần thửa đất số 106-28	5	278,5	20	23		94,50			29.295.000	73.237.500	0		
		thôn Văn Quán		CE 600939	04/11/2016	Man	LUC	Một phần thửa 28-106	5	278,5	114	23		134,00			41.540.000	103.850.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 600939	04/11/2016	Ma Đù	LUC	234-43	5	378	66	28		378,00			117.180.000	292.950.000	0		
10	Nguyễn Đạt Miếng	thôn Văn Quán	00158036327	CE 586513	30/09/2016	Chuôm Thày	LUC	5	19	1546	106	12	3565	1.546,00	2.885,1	80,9	479.260.000	1.198.150.000	10.000.000	3.140.333.500	
		thôn Văn Quán		CE 586513	30/09/2016	Cổ ngựa	LUC	68	4	776	135	13		776,00			240.560.000	601.400.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 586513	30/09/2016	Đông Lươn	LUC	160-51	5	303	192	21		303,00			93.930.000	234.825.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 586513	30/09/2016	Man	LUC	Một phần thửa 00	0	285	290	16		155,00			48.050.000	120.125.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 586513	30/09/2016	Man	LUC	Một phần thửa đất 00	0	130	317	16		69,00			21.390.000	53.475.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 586513	30/09/2016	Chông Giữa	LUC	Thu hồi một phần thửa 158-1	5	104	2	21		36,10			11.191.000	27.977.500	0		
11	Nguyễn Hùng Thắng	thôn Văn Quán	001073019868	CE 179833	09/09/2016	Đông Gông	LUC	18	0	176	281	22	918	176,00	591,0	64,4	54.560.000	136.400.000	5.910.000	647.145.000	
		thôn Văn Quán		CE 179833	09/09/2016	Đông Lươn	LUC	30	0	415	242	21		415,00			128.650.000	321.625.000	0		
12	Trần Quốc Khanh	thôn Văn Quán	001073016480	CE 600954	04/11/2016	Đông Khoai	LUC	18	20	1274	52	12	2390	1.274,00	1.884,0	78,8	394.940.000	987.350.000	10.000.000	2.054.140.000	
		thôn Văn Quán		CE 600954	04/11/2016	Đông loon	LUC	160-13	5	313	194	21		313,00			97.030.000	242.575.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 600954	04/11/2016	Cổ Hạc + Bãi	LUC	Thu Hồi một phần thửa 93-37	5	294	118	11		108,00			33.480.000	83.700.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 600954	04/11/2016	Mạ Man	LUC	Thu Hồi một phần thửa 55-69	5	293	96	17		189,00			58.590.000	146.475.000	0		
13	Dương Văn Vinh	thôn Văn Quán	001059032376	CE 179838	09/09/2016	Châm Giữa	LUC	12	14	1641	32	17	2901	1.641,00	2.728,0	94,0	508.710.000	1.271.775.000	10.000.000	2.969.880.000	
		thôn Văn Quán		CE 179838	09/09/2016	Bãi + Chông giữa	LUC	Thu Hồi một phần thửa 242-19	5	213	5	28		140,00			43.400.000	108.500.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 179838	09/09/2016	Đông Cốc	LUC	57	3	639	54	13		639,00			198.090.000	495.225.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 179838	09/09/2016	Man	LUC	Thu Hồi một phần thửa 77-61	4	300	141	23		155,00			48.050.000	120.125.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 179838	09/09/2016	Bãi + Chông Giữa	LUC	Thu Hồi một phần thửa 242-19	4	73	333	23		108,00			33.480.000	83.700.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 179838	09/09/2016	Ma Đù	LUC	179-26	5	108	106	22		45,00			13.950.000	34.875.000	0		
14	Trần Văn Sơn	thôn Văn Quán	001057014136	CE 600982	04/11/2016	Cổ ngựa	LUC	0	0	860	167	13	3907	860,00	3.552,0	90,9	266.600.000	666.500.000	10.000.000	3.863.920.000	
		thôn Văn Quán		CE 600982	04/11/2016	Đông Gông	LUC	153-73	5	126	76	21		126,00			39.060.000	97.650.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 600982	04/11/2016	Cổ Hạc	LUC	Thu hồi Một phần thửa 55-59	5	312	78	11		63,00			19.530.000	48.825.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 600982	04/11/2016	Ma chiêm	LUC	thu hồi một phần thửa 82-6	5	328	117	16		65,00			20.150.000	50.375.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 600982	04/11/2016	Ma chiêm	LUC	thu hồi một phần thửa 82-6	5	263	347	16		137,00			42.470.000	106.175.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 600982	04/11/2016	Man Lúa	LUC	0	0	1970	89	17		1.970,00			610.700.000	1.526.750.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 600982	04/11/2016	Ma chiêm	LUC	82-6	5	126	393	16		61,00			18.910.000	47.275.000	0		

		thôn Văn Quán		CE 600982	04/11/2016	Phản Trám	LUC	299-15	5	152	426	22	152,00			47.120.000	117.800.000	0	
		thôn Văn Quán		CE 600982	04/11/2016	Chũng giữa	LUC	157-45	5	118	26	21	118,00			36.580.000	91.450.000	0	
15	Nguyễn Thị Mai	thôn Văn Quán	001150004506	CE 586577	30/09/2016	Chăm Cá	LUC	11	0	1329	184	18	1.329,00	1.918,0	74,4	411.990.000	1.029.975.000	10.000.000	2.091.030.000
		thôn Văn Quán		CE 586577	30/09/2016	Đồng Găng	LUC	0	0	194	43	21	194,00			60.140.000	150.350.000	0	
		thôn Văn Quán		CE 586577	30/09/2016	Ma Chiếm	LUC	Thu Hồi 1 phần thửa đất số 0	0	341	292	16	137,00			42.470.000	106.175.000	0	
		thôn Văn Quán		CE 586577	30/09/2016	Ma Chiếm	LUC	Thu Hồi 1 phần thửa đất số 0	0	204	475	16	78,00			24.180.000	60.450.000	0	
		thôn Văn Quán		CE 586577	30/09/2016	Ma Chiếm	LUC	Thu Hồi 1 phần thửa đất số 0	0	126	397	16	61,00			18.910.000	47.275.000	0	
		thôn Văn Quán		CE 586577	30/09/2016	Chũng giữa	LUC	0	0	119	30	21	119,00			36.890.000	92.225.000	0	
16	Nguyễn Cao Quyết	thôn Văn Quán	001062018583	CH 160301	30/12/2016	Cửa Quán	LUC	Thu Hồi 1 phần thửa đất số 2	22	1187	123	16	912,20	2.571,7	82,6	282.782.000	706.955.000	10.000.000	2.800.294.500
		thôn Văn Quán		CH 160301	30/12/2016	Đồng Cốc	LUC	0	0	702	6	12	702,00			217.620.000	544.050.000	0	
		thôn Văn Quán		CH 160301	30/12/2016	Đồng Găng	LUC	0	0	138	204	21	138,00			42.780.000	106.950.000	0	
		thôn Văn Quán		CH 160301	30/12/2016	Đồng Luon	LUC	21	23	187	232	21	187,00			57.970.000	144.925.000	0	
		thôn Văn Quán		CH 160301	30/12/2016	Đồng Luon	LUC	0	0	218	158	21	218,00			67.580.000	168.950.000	0	
		thôn Văn Quán		CH 160301	30/12/2016	Có Hạc	LUC	Thu Hồi 1 phần thửa đất số 0	0	248	115	11	54,00			16.740.000	41.850.000	0	
		thôn Văn Quán		CH 160301	30/12/2016	Man ngoài	LUC	Thu Hồi 1 phần thửa đất số 0	0	249	282	16	90,00			27.900.000	69.750.000	0	
		thôn Văn Quán		CH 160301	30/12/2016	Man ngoài	LUC	Thu Hồi 1 phần thửa đất số 0	0	159	378	16	72,00			22.320.000	55.800.000	0	
		thôn Văn Quán		CH 160301	30/12/2016	Man ngoài	LUC	Thu Hồi 1 phần thửa đất số 0	0	87	316	16	47,00			14.570.000	36.425.000	0	
		thôn Văn Quán		CH 160301	30/12/2016	Phản Trám	LUC	0	0	108	295	22	108,00			33.480.000	83.700.000	0	
		thôn Văn Quán		CH 160301	30/12/2016	Chũng Giữa	LUC	Thu Hồi 1 phần thửa đất số 0	0	75	8	21	43,50			13.485.000	33.712.500	0	
17	Nguyễn Đạt Giao	thôn Văn Quán	001061008624	CE 179841	09/09/2016	Chăm Cá	LUC	18	13	1450	254	17	1.450,00	1.928,0	77,2	449.500.000	1.123.750.000	10.000.000	2.101.880.000
		thôn Văn Quán		CE 179841	09/09/2016	Ma Chũng Giữa	LUC	Thu Hồi 1 phần thửa đất số 167-72	5	260	428	22	210,00			65.100.000	162.750.000	0	
		thôn Văn Quán		CE 179841	09/09/2016	Ma Chũng Giữa	LUC	167-72	5	50	119	28	50,00			15.500.000	38.750.000	0	
		thôn Văn Quán		CE 179841	09/09/2016	Ma Sang Lúa	LUC	00	00	81	431	23	81,00			25.110.000	62.775.000	0	
		thôn Văn Quán		CE 179841	09/09/2016	Ma Man	LUC	Thu Hồi 1 phần thửa đất số 0	0	254	165	23	137,00			42.470.000	106.175.000	0	
18	Nguyễn Thọ Tung	thôn Văn Quán	001057007288	CE 600944	4/11/2016	Đồng Găng	LUC	166.13+17	5	838	137	21	440,00	1.424,1	78,7	136.400.000	341.000.000	10.000.000	1.555.148.500
		thôn Văn Quán		CE 600944	4/11/2016	Đồng Găng	LUC	166.13+17	5	398	145	21	398,00			123.380.000	308.450.000	0	
		thôn Văn Quán		CE 600944	4/11/2016	Đồng Khoai	LUC	24	0	209	78	12	209,00			64.790.000	161.975.000	0	
		thôn Văn Quán		CE 600944	4/11/2016	Ma Chiếm	LUC	98,13	4	326	261	16	54,00			16.740.000	41.850.000	0	
		thôn Văn Quán		CE 600944	4/11/2016	Ma Rê + Có Hạc	LUC	Thu Hồi 1 phần thửa đất số 52.14	5	328	62	11	36,00			11.160.000	27.900.000	0	
		thôn Văn Quán		CE 600944	4/11/2016	Ma Rê + Có Hạc	LUC	Thu Hồi 1 phần thửa đất số 52.14	5	292	123	11	36,00			11.160.000	27.900.000	0	
		thôn Văn Quán		CE 600944	4/11/2016	Ma Chiếm	LUC	98,13	4	272	128	17	146,00			45.260.000	113.150.000	0	
		thôn Văn Quán		CE 600944	4/11/2016	Ma Chiếm	LUC	98,13	4	126	310	16	105,10			32.581.000	81.452.500	0	
19	Cao Văn Tích	thôn Văn Quán	001064040083	CE 600949	4/11/2016	Bãi + Chũng Giữa	LUC	Thu Hồi 1 phần thửa đất số 158-62	5	224	333	22	189,00	3.006,0	89,6	58.590.000	146.475.000	10.000.000	3.271.510.000
		thôn Văn Quán		CE 600949	4/11/2016	Tư Niên	LUC	24	1	1757	239	28	1.757,00			544.670.000	1.361.675.000	0	
		thôn Văn Quán		CE 600949	4/11/2016	Man	LUC	0	0	126	60	23	126,00			39.060.000	97.650.000	0	
		thôn Văn Quán		CE 600949	4/11/2016	Ma Đù	LUC	206-29	5	54	381	23	54,00			16.740.000	41.850.000	0	
		thôn Văn Quán		CE 600949	4/11/2016	Chăm giữa	LUC	22	15	880	178	17	880,00			272.800.000	682.000.000	0	
		thôn Văn Quán	001155006407	CH 160288	30/12/2016	Chăm Giữa	LUC	32	0	1233	205	17	1.233,00			382.230.000	955.575.000	10.000.000	1.744.915.000
		thôn Văn Quán		CH 160288	30/12/2016	Ma Sang Lúa	LUC	0	0	83	526	22	83,00			25.730.000	64.325.000	0	

20	Dương Thị Hằng	thôn Văn Quán		CH 160288	30/12/2016	Ma Rê	LUC	Thu Hồi 1 phần thửa đất số 176-14	5	214	408	22	1880	158,00	1.599,0	85,1	48.980.000	122.450.000	0		
		thôn Văn Quán		CH 160288	30/12/2016	Ma Chiêm	LUC	0	0	125	19	23		59,00			18.290.000	45.725.000	0		
		thôn Văn Quán		CH 160288	30/12/2016	Ma Chiêm	LUC	0	0	169	74	23		66,00			20.460.000	51.150.000	0		
21	Nguyễn Hữu Chiến	thôn Văn Quán	001053019945	CE 586557	30/9/2016	Cổ Ngựa	LUC	6	4	1072	141	13	4984	1.072,00	4.610,0	92,5	332.320.000	830.800.000	10.000.000	5.011.850.000	
		thôn Văn Quán		CE 586557	30/9/2016	Chũng Giữa	LUC	0	0	374	119	22		374,00			115.940.000	289.850.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 586557	30/9/2016	Tư Niên	LUC	31	1	3164	232	28		3.164,00			980.840.000	2.452.100.000	0		
22	Nguyễn Thế Anh	thôn Văn Quán	001075037998	CE 586560	30/9/2016	Đông Gông	LUC	0	0	888	215	21	1589	888,00	1.186,0	74,6	275.280.000	688.200.000	10.000.000	1.296.810.000	
		thôn Văn Quán		CE 586560	30/9/2016	Ma Man	LUC	Thu hồi một phần thửa 0	0	187	336	23		111,00			34.410.000	86.025.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 586560	30/9/2016	Ma Chũng Giữa	LUC	0	0	187	97	22		187,00			57.970.000	144.925.000	0		
23	Nguyễn Đạt Thanh	thôn Văn Quán	001059007724	CE 586534	30/9/2016	Ma Man	LUC	0	0	219	228	17	2240	64,00	2.143,0	95,7	19.840.000	49.600.000	10.000.000	2.335.155.000	
		thôn Văn Quán		CE 586534	30/9/2016	Ma Sang Lúa	LUC	0	0	39	308	22		39,00			12.090.000	30.225.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 586534	30/9/2016	Ma Man	LUC	thu hồi một phần thửa số 0	0	155	155	23		58,00			17.980.000	44.950.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 586534	30/9/2016	Náy Trong	LUC	10	2	1717	85	24		1.717,00			532.270.000	1.330.675.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 586534	30/9/2016	Ma Đông	LUC	188-147	5	108	196	22		108,00			33.480.000	83.700.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 586534	30/9/2016	Ma Chũng Giữa	LUC	0	0	157	91	22		157,00			48.670.000	121.675.000	0		
24	Nguyễn Thị Kim Thu	thôn Văn Quán	001162030588	CE 600928	4/11/2016	Chũng Giữa	LUC	Thu hồi một phần thửa 103-16	5	208	79	28	2562	139,00	2.439,0	95,2	43.090.000	107.725.000	10.000.000	2.656.315.000	
		thôn Văn Quán		CE 600928	4/11/2016	Chũng Giữa	LUC	103-16	5	69	197	22		36,00			11.160.000	27.900.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 600928	4/11/2016	Đông S V2	LUC	6	0	392	272	28		392,00			121.520.000	303.800.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 600928	4/11/2016	Đông số V1	LUC	16	0	1638	253	28		1.638,00			507.780.000	1.269.450.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 600928	4/11/2016	Cửa Chùa + Man Cá	LUC	Thu hồi một phần 98-5	0	216	52	23		126,00			39.060.000	97.650.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 600928	4/11/2016	Ma Đông	LUC	228-47	0	108	297	23		108,00			33.480.000	83.700.000	0		
25	Nguyễn Đình Hoà (Nga)	thôn Văn Quán	0011047004692	CE 600891	4/11/2016	Đông Cốc	LUC	4	5	635	10	13	3440	635,00	2.713,9	78,9	196.850.000	492.125.000	10.000.000	2.954.581.500	
		thôn Văn Quán		CE 600891	4/11/2016	Đông Gông	LUC	165-41	5	103	144	21		103,00			31.930.000	79.825.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 600891	4/11/2016	Cổ Hạc	LUC	Thu hồi 1 phần diện tích thửa 97-15	5	376	6	11		35,00			10.850.000	27.125.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 600891	4/11/2016	Cổ Hạc	LUC	97-15	5	341	81	11		25,00			7.750.000	19.375.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 600891	4/11/2016	Man Ngoài	LUC	97-15	5	338	256	16		158,00			48.980.000	122.450.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 600891	4/11/2016	Man Ngoài	LUC	97-15	5	180	131	17		43,00			13.330.000	33.325.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 600891	4/11/2016	Man Lúa Trên	LUC	5	17	1531	191	12		1.531,00			474.610.000	1.186.525.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 600891	4/11/2016	Man Ngoài	LUC	97-15	5	137	481	16		79,00			24.490.000	61.225.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 600891	4/11/2016	Chũng Giữa	LUC	Thu hồi 1 phần thửa 169-27	5	133	44	21		104,90			32.519.000	81.297.500	0		
26	Nguyễn Văn Khai	thôn Văn Quán	001084035623	CE 609390	4/11/2016	Ma Rê	LUC	Thu hồi 1 phần thửa 169-82	0	144	85	28	1478	87,00	1.421,0	96,1	26.970.000	67.425.000	10.000.000	1.551.785.000	
		thôn Văn Quán		CE 609390	4/11/2016	Man Ngoài	LUC	101	5	1334	142	17		1.334,00			413.540.000	1.033.850.000	0		
27	Nguyễn Văn Đình	thôn Văn Quán	001061009817	CE 609394	04/11/2016	Cổ Ngựa	LUC	20	11	737	107	13	3020	737,00	2.534,6	83,9	228.470.000	571.175.000	10.000.000	2.760.041.000	
		thôn Văn Quán		CE 609394	04/11/2016	Đông Luon	LUC	Thu hồi 1 phần thửa 23	2	1810	173	28		1.544,60			478.826.000	1.197.065.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 609394	04/11/2016	Chũng Giữa	LUC	78-20	4	253	95	22		253,00			78.430.000	196.075.000	0		
28	Nguyễn Công Bằng	thôn Văn Quán	001067010683	CE 609440	04/11/2016	Bãi + Chũng Giữa	LUC	Thu hồi 1 phần thửa 0	0	190	255	22	2437	141,00	2.385,3	97,9	43.710.000	109.275.000	10.000.000	2.598.050.500	
		thôn Văn Quán		CE 609440	04/11/2016	Đông Số	LUC	5	1	318	270	28		318,00			98.580.000	246.450.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 609440	04/11/2016	Đông Số	LUC	17	1	1512	248	28		1.512,00			468.720.000	1.171.800.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 609440	04/11/2016	Ma Man	LUC	0	0	180	205	23		180,00			55.800.000	139.500.000	0		

		thôn Văn Quán		CE 609440	04/11/2016	Mã Sang Lúa	LUC	0	0	75	221	23	75,00			23.250.000	58.125.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 609440	04/11/2016	Mã Đò	LUC	Thu hồi 1 phần thửa 0	0	162	288	23	159,30			49.383.000	123.457.500	0		
29	Nguyễn Cao Bò (ông Nguyễn Cao Bò đã chết ông Nguyễn Cao Thuận đại diện)	thôn Văn Quán	001078042210	CE 179837	09/09/2016	Cửa Quán	LUC	12	22	997	59	16	997,00			309.070.000	772.675.000	10.000.000		
		thôn Văn Quán		CE 179837	09/09/2016	Đông Giàng	LUC	190-25	5	155	139	22	155,00			48.050.000	120.125.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 179837	09/09/2016	Mã Ré	LUC	Thu hồi 1 phần thửa 110-44	5	191	148	11	54,00	1.357,0	82,8	16.740.000	41.850.000	0	1.482.345.000	
		thôn Văn Quán		CE 179837	09/09/2016	Mã Chiếm	LUC	Thu hồi 1 phần thửa số 120-4	4	187	205	16	122,00			37.820.000	94.550.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 179837	09/09/2016	Mã Chiếm	LUC	219-35	5	65	420	16	29,00			8.990.000	22.475.000	0		
30	Dương Văn Nghĩa	thôn Văn Quán	001072038102	CE 179840	09/09/2016	Châm Dưới	LUC	28	0	1482	219	18	1.482,00			459.420.000	1.148.550.000	10.000.000		
		thôn Văn Quán		CE 179840	09/09/2016	Bãi + Chông Giữa	LUC	Thu hồi 1 phần thửa số 55-4	0	147	352	28	108,00	1.799,0	73,4	33.480.000	83.700.000	0	1.961.915.000	
		thôn Văn Quán		CE 179840	09/09/2016	Mã Mạn	LUC	Thu hồi 1 phần thửa số 98-8	0	137	251	23	101,00			31.310.000	78.275.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 179840	09/09/2016	Phần Trám Mã Đò	LUC	224-27	0	108	331	23	108,00			33.480.000	83.700.000	0		
31	Nguyễn Xuân Thơm	thôn Văn Quán	001078020971	CE 586550	30/09/2016	Chuôm Thủy	LUC	25+26	19	1156	146	12	1.156,00			358.360.000	895.900.000	10.000.000		
		thôn Văn Quán		CE 586550	30/09/2016	Đông Giàng	LUC	0	0	79	127	21	79,00	1.775,0	93,4	24.490.000	61.225.000	0	1.935.875.000	
		thôn Văn Quán		CE 586550	30/09/2016	Cầu Thông	LUC	15	21	540	102	12	540,00			167.400.000	418.500.000	0		
32	Nguyễn Cao Minh	thôn Văn Quán	001055009726	CE 600992	04/11/2016	Cửa Quán	LUC	7	22	2268	62	16	2.268,00			703.080.000	1.757.700.000	10.000.000		
		thôn Văn Quán		CE 600992	04/11/2016	Đông Giộc	LUC	1	5	618	17	8	618,00			191.580.000	478.950.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 609459	04/11/2016	Đông Giàng	LUC	154-52	5	108	55	21	108,00			33.480.000	83.700.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 609459	04/11/2016	Đông Luon	LUC	159-73	5	244	231	21	244,00			75.640.000	189.100.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 600992	04/11/2016	Độc Rúi	LUC	52-130	5	75	48	11	75,00			23.250.000	58.125.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 600992	04/11/2016	Mạn Ngoài	LUC	95-100	5	146	221	16	146,00			45.260.000	113.150.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 609459	04/11/2016	Mạn Trong	LUC	thu hồi 1 phần thửa 95-100	5	62	369	16	53,70			16.647.000	41.617.500	0		
		thôn Văn Quán		CE 609459	04/11/2016	Phần Trám	LUC	thu hồi 1 phần thửa 244-17	5	216	108	22	2,00			620.000	1.550.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 609459	04/11/2016	Chông Giữa	LUC	187-15	4	137	32	22	128,00			39.680.000	99.200.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 609459	04/11/2016	Chông Giữa	LUC	187-15	4	9	177	22	9,00			2.790.000	6.975.000	0		
33	Nguyễn Xuân Tín	thôn Văn Quán	001073039571	CE 179843	09/09/2016	Cửa Quán	LUC	21	22	1354	137	16	1.354,00			419.740.000	1.049.350.000	10.000.000		
		thôn Văn Quán		CE 179843	09/09/2016	Đông Giộc	LUC	29	5	527	47	12	527,00	1.881,0	81,6	163.370.000	408.425.000	0	2.050.885.000	
34	Dương Thị Chung	thôn Văn Quán	001168016759	CE 609420	04/11/2016	Bãi + Chông Giữa	LUC	Thu hồi 1 phần thửa số 204-38	5	155	449	22	137,00			42.470.000	106.175.000	3.497.000		
		thôn Văn Quán		CE 609420	04/11/2016	Mạn	LUC	Thu hồi 1 phần thửa số 78-1	4	209	259	23	104,70	349,7	20,7	32.457.000	81.142.500	0	382.921.500	
		thôn Văn Quán		CE 609420	04/11/2016	Mã Đò	LUC	235-14	5	108	299	23	108,00			33.480.000	83.700.000	0		
35	Nguyễn Thị Thơm	thôn Văn Quán	001130009460	CE 006812	31/08/2016	Châm Giữa	LUC	6	0	726	125	17	726,00			225.060.000	562.650.000	9.420.000		
		thôn Văn Quán		CE 006812	31/08/2016	Mã Ré	LUC	106-23	5	62	382	16	62,00	942,0	100,0	19.220.000	48.050.000	0	1.031.490.000	
		thôn Văn Quán		CE 006812	31/08/2016	%	LUC	230-36	5	108	388	16	108,00			33.480.000	83.700.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 006812	31/08/2016	Mã Chiếm	LUC	19-9	2TC	46	294	16	46,00			14.260.000	35.650.000	0		
36	Đỗ Trọng Khôi	thôn Văn Quán	001073024780	CE 586591	30/09/2016	Châm Giữa	LUC	9	15	450	78	17	450,00			139.500.000	348.750.000	10.000.000		
		thôn Văn Quán		CE 586591	30/09/2016	Đông Giộc	LUC	9	5	320	14	12	320,00			99.200.000	248.000.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 586591	30/09/2016	Đông Giàng	LUC	4	23	462	247	22	462,00	2.057,0	94,8	143.220.000	358.050.000	0	2.241.845.000	
		thôn Văn Quán		CE 586591	30/09/2016	Đông Luon	LUC	22	23	376	238	21	376,00			116.560.000	291.400.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 586591	30/09/2016	Đông Luon	LUC	161-35	5	449	221	21	449,00			139.190.000	347.975.000	0		
		thôn Văn Quán	001065011424	CE 609442	04/11/2016	Châm Giữa	LUC	19	14	646	312	17	646,00			200.260.000	500.650.000	10.000.000		

37	Dương Văn Liêm	thôn Văn Quán		CE 609442	04/11/2016	Ma Sang Lúa	LUC	254-6	2	43	249	23	43,00	1.303,9	79,2	13.330.000	33.325.000	0	1.424.731.500	
		thôn Văn Quán		CE 609442	04/11/2016	Man	LUC	Thu hồi một phần thửa 77-1	4	187	265	23	68,50			21.235.000	53.087.500	0		
		thôn Văn Quán		CE 609442	04/11/2016	Phần Trám	LUC	Thu hồi một phần thửa 184-39	5	270	284	22	97,00			30.070.000	75.175.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 609442	04/11/2016	Phần Trám	LUC	Thu hồi một phần thửa 210-10	5	324	282	23	273,40			84.754.000	211.885.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 609442	04/11/2016	Chung Giữa	LUC	157-1	5	176	222	22	176,00			54.560.000	136.400.000	0		
38	Nguyễn Thị Liên	thôn Văn Quán	001155030537	CE 006823	31/08/2016	Đồng Găng	LUC	190-22	5	238	104	22	238,00	2.113,6	82,9	73.780.000	184.450.000	10.000.000	2.303.256.000	
		thôn Văn Quán		CE 006823	31/08/2016	Đồng Khoai	LUC	17	20	1674	43	12	1.674,00			518.940.000	1.297.350.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 006823	31/08/2016	Ma Ré	LUC	Thu hồi một phần thửa 106-9	5	205	98	11	65,00			20.150.000	50.375.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 006823	31/08/2016	Ma Chiếm	LUC	Thu hồi một phần thửa 79-5	4	200	109	16	113,00			35.030.000	87.575.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 006823	31/08/2016	Ma Chiếm	LUC	79-5	4	87	434	16	7,60			2.356.000	5.890.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 006823	31/08/2016	Phần Trám	LUC	Thu hồi một phần thửa 230-4	5	162	48	22	2,00			620.000	1.550.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 006823	31/08/2016	Chung Giữa	LUC	Thu hồi một phần thửa 158-14	5	70	14	21	14,00			4.340.000	10.850.000	0		
39	Dương Văn Lợi	thôn Văn Quán	001081020655	CE 586567	30/09/2016	Chung Giữa	LUC	0	0	125,5	356	22	57,50	1.372,5	95,7	17.825.000	44.562.500	10.000.000	1.499.162.500	
		thôn Văn Quán		CE 586567	30/09/2016	Chung Giữa	LUC	0	0	75,5	371	22	68,00			21.080.000	52.700.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 586567	30/09/2016	Đồng Cốc	LUC	14	3	359	95	13	359,00			111.290.000	278.225.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 586567	30/09/2016	Náy	LUC	11	10	888	122	24	888,00			275.280.000	688.200.000	0		
40	Dương Văn Hà	thôn Văn Quán	001080018213	CE 609418	04/11/2016	Cua Quán	LUC	Thu hồi một phần thửa 4	22	1591	91	16	2723	1.277,40	1.277,4	46,9	395.994.000	989.985.000	10.000.000	1.395.979.000
41	Nguyễn Cao Quảng	thôn Văn Quán	001050000258	CE 609435	04/11/2016	Ma Múa	LUC	Thu hồi một phần thửa 157-12	5	423	282	22	216,00	3.557,5	79,6	66.960.000	167.400.000	10.000.000	3.869.887.500	
		thôn Văn Quán		CE 609435	04/11/2016	Đồng Găng	LUC	Thu hồi một phần thửa 12	2	3227	99	28	2.655,50			823.205.000	2.058.012.500	0		
		thôn Văn Quán		CE 609435	04/11/2016	Đồng Găng	LUC	Thu hồi một phần thửa 12	2	571,5	143	28	93,00			28.830.000	72.075.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 609435	04/11/2016	Ma Chiếm	LUC	Thu hồi một phần thửa 116-8	2TC	402	143	23	125,00			38.750.000	96.875.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 609435	04/11/2016	Phần Trám	LUC	207-60	5	324	265	22	324,00			100.440.000	251.100.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 609435	04/11/2016	Ma Múa	LUC	157-112	5	207	128	22	144,00			44.640.000	111.600.000	0		
42	Trần Văn Trung	thôn Văn Quán	001061027972	CE 609430	04/11/2016	Cua Quán	LUC	8	22	1212	40	16	1.212,00	1.934,0	76,4	375.720.000	939.300.000	10.000.000	2.108.390.000	
		thôn Văn Quán		CE 609430	04/11/2016	Đồng Luom Trên	LUC	157-25	5	262	146	21	262,00			81.220.000	203.050.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 609430	04/11/2016	Ma Man	LUC	90-97	5	254	46	11	36,00			11.160.000	27.900.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 609430	04/11/2016	Ma Man	LUC	90-97	5	218	223	16	114,00			35.340.000	88.350.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 609430	04/11/2016	Ma Man	LUC	90-97	5	104	395	16	13,60			4.216.000	10.540.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 609430	04/11/2016	Ma Đông	LUC	226-97	5	216	318	22	216,00			66.960.000	167.400.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 609430	04/11/2016	Chung Giữa	LUC	Thu hồi một phần thửa 158-11	5	127	19	21	80,40			24.924.000	62.310.000	0		
43	Nguyễn Đình Mừng	thôn Văn Quán	001070010878	CE 586499	30/09/2016	Cổ ngựa	LUC	19	4	611	180	13	611,00	2.701,6	91,4	189.410.000	473.525.000	10.000.000	2.941.236.000	
		thôn Văn Quán		CE 586499	30/09/2016	Chung Giữa	LUC	Thu hồi một phần thửa 183-12	05	207	36	11	15,00			4.650.000	11.625.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 586499	30/09/2016	Man Ngoài	LUC	94-75	4	194	169	16	111,00			34.410.000	86.025.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 586499	30/09/2016	Man Lúa	LUC	10	16	1604	6	17	1.604,00			497.240.000	1.243.100.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 586499	30/09/2016	Man Ngoài	LUC	94-75	4	119	371	16	36,00			11.160.000	27.900.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 586499	30/09/2016	Man Ngoài	LUC	94-75	4	83	377	16	47,00			14.570.000	36.425.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 586499	30/09/2016	Phần trám	LUC	91-26	5	189	409	22	54,00			16.740.000	41.850.000	0		
		thôn Văn Quán		CE 586499	30/09/2016	Phần trám	LUC	91-26	5	135	80	22	135,00			41.850.000	104.625.000	0		

		thôn Văn Quán		CE 586499	30/09/2016	Chung giữa	LUC	169-23	5	96	39	21		56,00			17.360.000	43.400.000	0			
		thôn Văn Quán		CE 586499	30/09/2016	Chung giữa	LUC	Thu hồi một phần thửa 169-23	5	40	66	21		32,60			10.106.000	25.265.000	0			
44	Nguyễn Đình Huy (ông Nguyễn Đình Huy đã chết chết ông Nguyễn Đình Phúc đại diện)	thôn Văn Quán	001091053648	CH 160289	30/12/2016	Chăm Giữa	LUC	11	12	1704	225	18	2629	1.704,00	2.583,0	98,3	528.240.000	1.320.600.000	10.000.000	2.812.555.000		
		thôn Văn Quán		CH 160289	30/12/2016	Đống Cọc	LUC	5	13	664	44	13		664,00			205.840.000	514.600.000	0			
		thôn Văn Quán		CH 160289	30/12/2016	Ma Chung Giữa	LUC	220-78	0	215	86	22		215,00			66.650.000	166.625.000	0			
45	Nguyễn Nho Nhỏ	thôn Văn Quán	001073018263	CE 179834	09/09/2016	Chăm Dưới	LUC	30	12	1574	242	18	2028	1.574,00	1.880,0	92,7	487.940.000	1.219.850.000	10.000.000	2.049.800.000		
		thôn Văn Quán		CE 179834	09/09/2016	Chung Giữa	LUC	177-10	5	108	136	28		108,00			33.480.000	83.700.000	0			
		thôn Văn Quán		CE 179834	09/09/2016	Phần Trám	LUC	157-14	5	198	360	22		198,00			61.380.000	153.450.000	0			
46	Nguyễn Đăng Đoàn	thôn Văn Quán	001088024045	CE585596	9/30/2016	Đống Cọc 3 lô dưới	LUC	29	3	701	70	13	701	701,00	701,0	100,0	217.310.000	543.275.000	7.010.000	767.595.000		
47	Nguyễn Hữu Trọng	thôn Văn Quán	001075046080	CE 586539	30/09/2016	Miếu	LUC	3	0	2017	244	23	6224	2.017,00	113.654,4	1.826,1	625.270.000	1.563.175.000	10.000.000	5.819.090.000		
		thôn Văn Quán		CE 586539	30/09/2016	Chung Giữa	LUC	hồi một phần thửa 220	0	382	436	22		322,00			99.820.000	249.550.000	0			
		thôn Văn Quán		CE 586539	30/09/2016	Chung Giữa	LUC	hồi một phần thửa 220	5	528	91	28		146,00			45.260.000	113.150.000	0			
		thôn Văn Quán		CE 586539	30/09/2016	Đống Cọc	LUC	19	3	1229	117	13		1.229,00			380.990.000	952.475.000	0			
		thôn Văn Quán		CE 586539	30/09/2016	Đống Sỏi	LUC	13	1	1348	273	28		1.348,00			417.880.000	1.044.700.000	0			
		thôn Văn Quán		CE 586539	30/09/2016	Man	LUC	229-52	5	508	260	23		292,00			90.520.000	226.300.000	0			
48	Dương Thị Dung	thôn Văn Quán	001162040632			Đống cọc	LUC	4	5		4	12	3348	237,00	2.772,0	82,8	73.470.000	183.675.000	10.000.000	3.017.620.000		
		thôn Văn Quán				Đống Lươn	LUC	23	23		363	22		1.728,00			535.680.000	1.339.200.000	0			
		thôn Văn Quán				Đống Lươn	LUC	158-25	5		179	21		544,00			168.640.000	421.600.000	0			
		thôn Văn Quán				Man Ngoài	LUC	26-16	2TC		355	16		120,00			37.200.000	93.000.000	0			
		thôn Văn Quán				Man Trong	LUC	26-16	2TC		365	16		63,00			19.530.000	48.825.000	0			
		thôn Văn Quán				Chung Giữa	LUC	157-41	5		9	21		80,00			24.800.000	62.000.000	0			
49	Và Thị Nhâm (bà Vũ Thị Nhâm đại diện)	thôn Văn Quán	001063003251			Cầu Đổng Đắc Rúi	LUC	167-97	5		25	11	723	11,00	595,0	82,3	3.410.000	8.525.000	5.950.000	651.525.000		
		thôn Văn Quán				Man Trong	LUC	178-16	5		304	16		54,00			16.740.000	41.850.000	0			
		thôn Văn Quán				Đống Găng	LUC	3	23		210	22		530,00			164.300.000	410.750.000	0			
50	Nguyễn Tú Linh	thôn Văn Quán	001088032542			% Ma Đù	LUC	228-49	5		325	23	3594	162,00	2.939,0	81,8	50.220.000	125.550.000	10.000.000	3.198.815.000		
		thôn Văn Quán				Chăm Cá	LUC	13	13		190	18		2.777,00			860.870.000	2.152.175.000	0			
51	Nguyễn Đình Thắng	thôn Văn Quán	001063003251	CE 609381	04/11/2016	Cùn Quán	LUC	một phần thửa số 22	3	1114	99	16	2275	855,70	1.641,7		265.267.000	663.167.500	10.000.000	1.791.244.500		
		thôn Văn Quán			CE 609381	04/11/2016	Đống Cọc	LUC	5	3	390	2	12		390,00			120.900.000	302.250.000	0		
		thôn Văn Quán			CE 609381	04/11/2016	Ma Chiếm	LUC	5	99-20	231	74	17		80,00			24.800.000	62.000.000	0		
		thôn Văn Quán			CE 609381	04/11/2016	Ma Chiếm	LUC	5	99-20	231	157	17		108,00			33.480.000	83.700.000	0		
					CE 609381	04/11/2016	Ma Chiếm	LUC	5	99-20	231	321	16		43,00			13.330.000	33.325.000	0		

			CE 609381	04/11/2016	Chung Giãa		5	157-18	165	7	21		165,00		51.150.000	127.875.000	0		
	Tổng:												108.300,40		33.573.124.000,0	83.932.810.000,0	474.827.000	117.980.761.000	

(Bảng chữ: Một trăm mười bảy tỷ, chín trăm tám mươi triệu, bảy trăm sáu mươi một nghìn đồng)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Mạnh

